

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2) và dự án Đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2) và dự án Đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh tại Biên bản phiên họp chính thức Hội đồng thẩm định Báo cáo ĐTM ngày 09/9/2021;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2) và dự án Đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 551/TTPTQĐ-QLPTQĐ ngày 29/9/2021 của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 789/TTr-STNMT ngày 30/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khai thác đất làm vật liệu san lấp phục vụ thi công dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2) và dự án Đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình (sau đây gọi là Dự án) của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trách nhiệm của Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án (có Phụ lục kèm theo) tại UBND Phường Bùi Thị Xuân theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Hướng dẫn và giám sát việc thực hiện của các đơn vị khai thác trong quá trình khai thác và vận chuyển đất từ dự án đến công trình theo các nội dung yêu cầu tại Báo cáo ĐTM.

4. Chịu trách nhiệm khắc phục các sự cố môi trường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án; bồi thường mọi thiệt hại về kinh tế, môi trường do hoạt động Dự án gây ra.

5. Trường hợp Dự án triển khai sau thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh phải lập lại Báo cáo ĐTM theo quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh;
- Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND Phường Bùi Thị Xuân;
- CVP, PVPNN;
- Lưu: VT, K4, K10.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

và Đông Bắc mỏ); 02 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Tuyến đường từ Quốc lộ 1A vào mỏ (đường cấp phối đá dăm, kích thước: dài 192 m x rộng 5 m) được lắp cống bê tông tại đoạn giao với suối Dứa.

- Tuyến đường tạm trong mỏ (đường đất, kích thước: dài 446,74 m x rộng 5 m).

- Mương rửa bánh xe chở đất ra khỏi mỏ tại vị trí đường ra vào ở phía Tây Nam khu mỏ.

- Khu vực phụ trợ phía Tây Nam (nằm trong khu vực mỏ), diện tích khoảng 1.000 m² để bố trí lán trại tạm, nhà vệ sinh di động, bãi tập kết xe và bãi lưu chứa tạm đá thải diện tích khoảng 332 m².

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh trong giai đoạn khai thác

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

- Các tác động liên quan đến chất thải: bụi, tiếng ồn phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi tiêu thụ; nước mưa chảy tràn (lẫn bùn, đất).

- Các tác động không liên quan đến chất thải: quá trình khai thác gây nguy cơ sạt lở; hoạt động vận chuyển đất đến công trình gây nguy cơ hư hỏng tuyến đường Quốc lộ 1A và đường dân sinh hiện trạng; ảnh hưởng an toàn giao thông.

2.2. Quy mô, tính chất nước thải

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 5,04 m³/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 7.399 m³/ngày (được tính cho ngày có lượng mưa phát sinh cao nhất với diện tích lưu vực tiếp nhận nước mưa chảy tràn 6,53 ha).

2.3. Quy mô, tính chất của bụi

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất đến công trình Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (Khu A2) và công trình Đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Nhơn Bình.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 37,8 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy; gây mùi hôi và ruồi, nhặng.

- Bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng, hệ thống mương thu gom, thoát nước và mương rửa bánh xe.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại phát sinh tại khu vực mỏ

- Giẻ lau nhiễm dầu thải (Mã CTNH: 18 02 01): khoảng 15 kg/năm.

- Bóng đèn huỳnh quang thải (Mã CTNH: 16 01 06): khoảng 05 kg/năm.

2.6. *Quy mô, tính chất của chất thải khác*: không có.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

a) Xử lý nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

b) Xử lý nước mưa chảy tràn

- Mương thu gom nước mưa chảy tràn xung quanh mỏ, tổng chiều dài khoảng 560 m; mương dẫn nước từ hồ lắng ra suối hiện trạng, tổng chiều dài khoảng 296 m. Các mương có kết cấu là mương đất hở (kích thước: đáy lớn 1,9 m x đáy bé 1,5 m x sâu 0,6 m), được gia cố đảm bảo.

- Hồ lắng phía Tây (tọa độ: 1.517.764; 598.544), thể tích khoảng 1.800 m³ (kích thước: dài 30 m x rộng 20 m x sâu 3 m); hồ lắng phía Nam (tọa độ: 1.517.628; 598.607), thể tích khoảng 1.155 m³ (kích thước: dài 35 m x rộng 11 m x sâu 3 m) và hồ lắng phía Đông Bắc (tọa độ: 1.517.861; 598.673), thể tích khoảng 450 m³ (kích thước: dài 15 m x rộng 10 m x sâu 3 m). Các hồ lắng được thiết kế 02 ngăn và được gia cố đảm bảo.

- Hồ giảm tốc phía Đông Nam (tọa độ: 1.517.597; 598.779), thể tích khoảng 180 m³ (kích thước: dài 12 m x rộng 10 m x sâu 1,5 m); hồ giảm tốc phía Tây Bắc (tọa độ: 1.517.836; 598.552), thể tích khoảng 108 m³ (kích thước: dài 9 m x rộng 8 m x sâu 1,5 m).

- Quy trình thu gom, xử lý:

+ Nước mưa chảy tràn phía Tây và Tây Bắc khu mỏ → mương thu gom → hồ giảm tốc → hồ lắng phía Tây → mương dẫn nước (dài khoảng 120 m) → mương hiện trạng → suối Dứa.

+ Nước mưa chảy tràn phía Nam và Đông Nam khu mỏ → mương thu gom → hồ giảm tốc → hồ lắng phía Nam → mương dẫn nước (dài khoảng 46 m) → mương hiện trạng → suối Dứa.

+ Nước mưa chảy tràn phía Đông và Đông Bắc khu mỏ → mương thu gom → hồ lắng phía Đông Bắc → mương dẫn nước (dài khoảng 130 m) → mương hiện trạng → suối Dứa.

Nước mưa chảy tràn được thu gom về hồ lắng để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$).

3.2. Về xử lý bụi

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ Dự án đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng; phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở trong quá trình vận chuyển, không để rơi vãi.

- Tạo mương (kích thước: dài 4,0 m x rộng 3,0 m x sâu 0,5 m) để vệ sinh

bánh xe trước khi ra khỏi khu mỏ, thường xuyên nạo vét và bổ sung thêm nước để đảm bảo hiệu quả xử lý của mương.

- Lắp hàng bằng rào tôn dọc phía Đông tuyến đường từ mỏ ra Quốc lộ 1A (đoạn qua khu vực nhà dân) để giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí 01 thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt đặt tại khu vực phụ trợ để thu gom và xử lý theo quy định.

- Thu gom lượng bùn đất phát sinh từ quá trình nạo vét hồ lắng và hệ thống mương thu gom, thoát nước, mương rửa bánh xe; lưu chứa đảm bảo.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Trang bị các thùng lưu chứa chất thải nguy hại có dán nhãn và thực hiện lưu chứa theo quy định; hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý.

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện khai thác đến đâu bóc lớp đất tầng phủ đến đó; tạo bờ dưng khu vực phía Đông mỏ nhằm giảm thiểu sạt lở trong quá trình khai thác.

- Thường xuyên nạo vét hồ lắng và mương thoát nước mưa ra suối đảm bảo không gây sa bồi ảnh hưởng đến việc thoát nước tại khu vực.

- Bố trí công nhân làm nhiệm vụ điều tiết giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường cấp phối đá dăm nối từ khu vực mỏ ra Quốc lộ 1A.

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
1.	Cấm biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ	04 cái	Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác	Trước khi triển khai dự án và giữ lại sau khi kết thúc khai thác
2.	San gạt mặt bằng mỏ	4.500 m ³	Tạo bề mặt bằng phẳng, nghiêng về phía Tây Nam, thuận lợi cho quá trình thoát nước và trồng cây	Triển khai và hoàn thành sau 10 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác hàng năm
3.	San lấp mương thoát nước và hồ lắng	6.032,39 m ³	Trả lại hiện trạng ban đầu	
4.	Tháo dỡ công thoát nước	16 tấn		
5.	Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động	40 m ²		
6.	Cải tạo tuyến đường đất từ Quốc lộ 1A đến mỏ	345,6 m ³	Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển	

STT	Nội dung công việc	Khối lượng	Kết quả đạt được	Thời gian thực hiện
7.	Trồng rừng keo lai phủ xanh khu vực mỏ	5,0 ha	Phủ xanh khu vực khai thác	Sau khi hoàn thành việc san gạt mặt bằng khai thác hàng năm
8.	Đo vẽ bản đồ địa hình khu mỏ	5,0 ha	Giám sát độ sâu khai thác	

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng dự toán chi phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **613.804.000 đồng** (Sáu trăm mười ba triệu tám trăm lẻ bốn nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 03 lần; thực hiện ký quỹ như sau:

+ Lần 1, số tiền: 153.451.000 đồng; thời điểm ký quỹ: trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Lần 2, số tiền: 230.176.500 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

+ Lần 3, số tiền: 230.176.500 đồng/lần ký quỹ; thời điểm ký quỹ: trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Định, 387 Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 03 hồ lắng 02 ngăn; 02 hố giảm tốc; hệ thống mương thu gom, thoát nước mưa.

- Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án

5.1. *Giám sát nước thải đầu ra tại 03 hồ lắng với các thông số:* pH, tổng chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng; so sánh với cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$); tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.2. *Giám sát không khí xung quanh:* thực hiện giám sát bụi lơ lửng (TSP) tại 02 điểm trên tuyến đường qua khu dân cư; so sánh với QCVN 05:2013/BTNMT; tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.3. *Giám sát lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh;* tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

5.4. *Giám sát sự cố sạt lở khu vực hạ lưu, sự cố sa bồi xuống suối Dừa.*